|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****HUYỆN CHỢ ĐỒN**Số: /BC- UBND**DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Chợ Đồn, ngày tháng 01 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Đồng Thắng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn**

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;*

*Căn cứ Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 – 2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 688/HD-UBND ngày 31/10/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025;*

*Căn cứ Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 29/3/2023 Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Đồn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Chợ Đồn năm 2023;*

 *Căn cứ đề nghị của Uỷ ban nhân dân xã Đồng Thắng tại Tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 29/12/2023,*

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn xã Đồng Thắng, Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Đồn báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2023 đối với xã Đồng Thắng như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra: Từ ngày 10 - 15 tháng 01 năm 2023

1. Về hồ sơ:

- Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 29/12/2023 của Uỷ ban nhân dân xã Đồng Thắng về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Đồng Thắng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023;

- Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 27/12/2023 của Uỷ ban nhân dân xã Đồng Thắng về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao xã Đồng Thắng năm 2023;

- Báo cáo số 158a/BC-UBND ngày 19/12/2023 của Uỷ ban nhân dân xã Đồng Thắng tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2023 của xã Đồng Thắng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Biên bản cuộc họp của Uỷ ban nhân dân xã Đồng Thắng đề nghị xét, công nhận xã Đồng Thắng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

- Văn bản số 225a/UBND ngày 27/12/2023 của Uỷ ban nhân dân xã Đồng Thắng về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

- Các biểu mẫu, văn bản, tài liệu chứng minh đạt tiêu chí.

**2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới**

Thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên, Ngay từ đầu năm UBND xã đã xây dựng kế hoạch thực hiện từng tiêu chí và kế hoạch lộ trình về đích năm 2023 của UBND xã Đồng Thắng, tổ chức họp đánh giá cụ thể những tiêu chí chưa đạt và đưa ra giải pháp, đồng thời giao nhiệm vụ cho từng cán bộ, công chức và các ban ngành đoàn thể xã phụ trách những tiêu chí nhỏ trong bộ tiêu chí phối hợp với thôn tiến hành rà soát, đánh giá thực tế các tiêu chí tại các thôn và hướng dẫn, xây dựng kế hoạch thực hiện từng tiêu chí được phân công phụ trách đảm bảo cuối năm đạt để về đích NTM với mục tiêu tập trung khai thác hiệu quả lợi thế, tiềm năng của địa phương; đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Tiếp tục xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế nông thôn,hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Công tác triển khai các văn bản được thường xuyên, kịp thời từ xã đến thôn thông qua các cuộc họp giao ban, hội nghị, các cuộc họp thôn, sinh hoạt chi bộ, chi hội đoàn thể và qua hệ thống loa truyền thanh của thôn. Ban Quản lý xã thường xuyên kiểm tra các tiêu chí chưa đạt, có giải pháp cụ thể, tập trung quyết liệt để đạt các tiêu chí theo tiến độ đề ra.

Để chương trình xây dựng nông thôn mới được thực hiện thường xuyên, liên tục trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý, giám sát, UBND xã đã thường xuyên kiện toàn Ban quản lý khi có sự thay đổi về nhân sự, đảm bảo đủ số lượng, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, phân công phụ trách các thôn tại Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của UBND xã Đồng Thắng về việc kiện toàn Ban quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia xã Đồng Thắng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn với 25 thành viên bao gồm cán bộ, công chức cấp xã, y tế, trường học và các ông, bà trưởng thôn.

**3. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

**3.1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch*;*

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch*;*

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên;

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

*1.1.* Xã Đồng Thắng đã được Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Đồn phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đồng Thắng giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 4115/QĐ - UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023.

*1.2*. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 4115/QĐ - UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Chợ Đồn;

*1.3*. Xã chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư, UBND xã đã phê duyệt kết quả chỉ định thầu và hợp đồng với đơn vị tư vấn để lập nhiệm vụ quy hoạch điểm dân cư nông thôn xã Đồng Thắng và khảo sát địa hình 1/500*.* Dự kiến hoàn thành trong quý I/2024.

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm,đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (*biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh*…) theo quy định đạt từ *50%* trở lên;

2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn;

+ Được cứng hóa và bảo trì hàng năm 100%;

+ Có các hạng mục cần thiết theo quy định( biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, giờ giảm tốc, cây xanh….) và đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp đạt từ 50% trở lên*;*

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt từ 85% trở lên;

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đạt từ 20% trở lên, đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa;

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

2.1. Tổng số chiều dài đường xã là 11.400 km đã được nhựa hoá 100% và được bảo trì hàng năm.

2.2. Đường trục thôn, đường liên thôn

- Tổng số chiều dài đường trục thôn, đường liên thôn là 19.784km, đã được cứng hóa 19.784 km đạt 100 %.

- Các tuyến đường trục thôn, liên thôn đã được lắp đặt hệ thống chiếu sáng và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt 100%; hiện đang tiến hành lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn tại các tuyến đường. Tuyến đường Nà Mèo, đường Nà Chang, đường Khau Chủ Cốc Lùng, đường Nà Vằn, đường Pác Giả - Khuổi Giả, đường Pác Giả - Khuổi Ném, đường Nà Tải – Nà Cà, đường Nà Tải – Nà Phung.

2.3. Tổng số chiều dài đường đường ngõ, xóm là 1,052 km, đã được cứng hóa 0,902 km đạt 85,74%; các tuyến đường cơ bản đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

2.4. Tổng số chiều dài đường trục chính nội đồng là 3,047 km đã được cứng hóa 3,047km đạt 81,3%, đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động *đạt từ 90% trở lên;*

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

3.3.Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 10% trở lên;

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm*;*

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi;

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ;

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

*3.1.* Tổng số kênh mương 17,86km, trong đó được kiên cố hóa 16,41km đạt 91,88%, đảm bảo tưới và tiêu nước chủ động cho 204,21 diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đạt tỷ lệ 100%;

3.2. Trên địa bàn xã có 01 tổ chức thủy lợi cơ sở (Hợp tác xã Đồng Tiến) hoạt động hiệu quả, bền vững.

3.3. Diện tích cây trồng chủ lực của địa phương (*cây lúa*) được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước*( 45/431ha đạt 10,4%)*

3.4. Uỷ ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch số 08/Kh-UBND ngày 02/3/2023 về việc sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi trên địa bàn xã.

*3.6*. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ:

- UBND xã đã thành lập Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã Đồng Thắng và chủ động kiện toàn khi có thay đổi về nhân sự; ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ huy; thành lập Đội xung kích phòng chống thiên tai.

- Hàng năm UBND xã ban hành phương án phòng chống thiên tai và tìm kiến cứu nạn và triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.4. Tiêu chí số 4 - Điện:**

***a)Yêu cầu của tiêu chí***

- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt từ 98% trở lên;

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

Các hộ dân trên địa bàn xã đã có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định từ nguồn điện lưới quốc gia đạt 100% (963/963 hộ).

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.5. Tiêu chí số 5 - Giáo dục:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

5.1. Có 100% trường học các cấp (*mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có* *nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS*) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2;

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi;

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá trở lên;

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền;

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

5.1.Trên địa bàn xã có 02 trường học gồm Trường tiểu học và THCS Đồng Thắng, Trường mầm non Đồng Thắng đã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ1.

+ Hiện nay đang đầu tư xây dựng Trường mầm non Đồng Thắng đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2, dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

5.2. Xã luôn duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

5.3. Xã luôn duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS ở mức độ 3.

5.4. Xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt.

5.6. Trường Tiểu học và THCS xã đã thành lập mô hình câu lạc bộ thể thao để cho học sinh rèn luyện thể lục, kỹ năng, sức bền.

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.6. Tiêu chí số 6 - Văn hóa:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng ; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên;

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định;

6.3.Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới *15%;*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

6.1. Xã đã lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng tại sân Nà Phạc thôn Làng Sen.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, đã tiến hành xây xong bia khu di tích: Xã có 01 điểm di tích lịch sử nhà Ông Triệu Văn Kiên được công nhận tại Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn; di tích đã được xây bia và bàn giao cho xã quản lý theo Công văn số 231/BT ngày 05/9/2023 của Bảo tàng tỉnh Bắc Kạn.

*6.3*. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới:

- Năm 2023 có 22/22 thôn khu dân cư được công nhận đạt chuẩn văn hoá năm 2023, trong đó có 12 thôn đạt chuẩn văn hoá 5 năm liên tục. Trong đó có 02 thôn (chiếm 17%) được tặng giấy khen theo Quyết định số 4967/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn.

- Năm 2023 có 877 hộ gia đình được công nhận danh hiệu Gia đình văn hoá. Trong đó có 202 hộ gia đình đạt 03 năm liên tục và 11 hộ gia đình đã có thành tích tiêu biểu 3 năm liên tục đạt gia đình văn hóa (chiếm 5,4%) được tặng giấy khen theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng.

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.7. Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

Xã được công nhận đạt Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới nâng cao khi đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Mục I Chương II của hướng dẫn kèm theo Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công Thương và đồng thời có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm đáp ứng một phần hoặc đầy đủ các tiêu chí quy định tại TCVN 11856:2017 về chợ kinh doanh thực phẩm.

- Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Mục I Chương II của hướng dẫn kèm theo Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công Thương và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm đã được quy định tại TCVN 11856:2017.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

Xã Đồng Thắng có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định và đã triển khai thực hiện mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm.

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.8. Tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền thông:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

8.1.Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân*;*

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh *đạt từ 50% trở lên;*

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông;

- Số thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên đạt từ 90% trở lên;

- Số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet đạt 100%;

- Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm;

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới;

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt từ 50% trở lên;

- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt từ 80% trở lên;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt từ 50% trở lên;

- Sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử đạt 100%;

- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ 100%;

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,…*;*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

8.1. Xã có 02 điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân tại thôn Nà Tải và thôn Làng Sen.

8.2.Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh từ 15 tuổi đạt 59% *(2.411/4.062 người);*

8.3. Xã có dịch vụ báo chí truyền thông;

- Số thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên đạt 100% (*22/22 thôn);*

- Số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet đạt 100%;

- Xã có điểm cung cấp xuất bản phẩm đặt tại điểm bưu chính;

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới;

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 53% (*17/32 hồ sơ).*

- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt 100% (*21/21 người);*

- Độ tuổi lao động từ 15 tuổi được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 69% (*2.320/3.336 người)*

- Có sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử: Xã có sản phẩm Thịt lợn rừng lai Phúc Thơm (được công nhận OCOP 3 sao năm 2021) được Hợp tác xã giới thiệu, quảng bá trên mạng xã hội facebook, zalo.

8.5. Xã có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng tại các khu vực: Uỷ ban nhân dân xã, Trạm y tế, trường học. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục lắp đặt mạng wifi miễn phí ở các nhà văn hoá xã, thôn...

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.9. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt 90% trở lên.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

- Tổng số toàn xã có 963 nhà trong đó nhà kiên cố*,* nhà bán kiên cố là 961/963 nhà, đạt 99,79%; không cónhà tạm, nhà dột nát.

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.10. Tiêu chí số 10 - Thu nhập:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Năm 2022 đạt từ 47 triệu đồng/người, năm 2023 đạt từ 51 triệu đồng/người, năm 2024 đạt từ 55 triệu đồng/người, năm 2025 đạt từ 59 triệu đồng/người

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt: 54.088 triệu đồng/người

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.11. Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Xã đạt chuẩn về tiêu chí nghèo đa chiều khi có tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm dưới mức 8,0%;

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

- Tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2023 là: 9,03 % (*không có hộ nghèo không có khả năng lao động*), trong đó:

- Hộ nghèo: 55/963 hộ chiếm 5,71%,

- Hộ cận nghèo: 32/963 hộ chiếm 3,32%

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.12. Tiêu chí số 12 - Lao động:**

***a)Yêu cầu của tiêu chí***

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt* ≥75%;

12.2.Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (*áp dụng đạt cho cả nam và* *nữ)* ≥25%;

12.3.Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn;

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

*12.1.* Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) *đạt 76,61%* (*2.156/2.814 người);*

*12.2.* Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt 27,36% *(770/2.814 người);*

*12.3*. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn( *1.941/2.814 người đạt 68,02);*

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.13.** **Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn;

13.3.Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm*;*

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã;

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử từ 10% trở lên;

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng;

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội;

13.8. Có ít nhất 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (*kinh tế, văn hoá, môi trường*).

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

13.1.Trên địa bàn xãcó các hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định, cụ thể: HTX Toàn Thắng liên kết liên kết nuôi gà lạc thủy thương phẩm; HTX Quỳnh Trang liên kết nuôi lợn thịt bản địa (lợn rừng lai) thương phẩm và liên kết trồng cây dược liệu cây cát sâm.

13.2. Xã sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao: Thịt lợn rừng lai Phúc Thơm theo Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh*.*

13.3. Xã có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao: Mô hình canh tác rau củ quả trong nhà lưới của HTX Hoài Anh; Mô hình sản xuất cam theo tiêu chuẩn VIETGAP của HTX Toàn Thắng.

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Truy suất nguồn gốc Thịt lợn rừng lai Phúc Thơm bằng mã vạch.

13.5*.* Có sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử: Các sản phẩm chủ lực của xã như Thịt lợn rừng lai Phúc Thơm, gạo bao thai, quả cam, quả quýt đã được các cơ sở sản xuất quảng bá, giới thiệu và bán qua mạng xã hội như facebook, zalo thông qua internet.

13.6.Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Trên địa bàn xã có 06ha diện tích cây cam được Sở Nông nghiệp và PTNT cấp mã vùng trồng tại giấy xác nhận số 2949/GXN-SNN ngày 28/11/2023.

13.7. Trên địa bàn xã chưa có các điểm du lịch, tuy nhiên xã cũng đã có giới thiệu một số địa điểm có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội như thác nước tại thôn Nà Tải, Nà Vằn, Nà Kham các điểm chekin tại đồi cam quýt, cổng chào, Thác nước,phong cảnh...

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị: Trên địa bàn xã có mô hình phát triển kinh tế theo hướng tích hợp đa giá trị của HTX Quỳnh Trang. Hiện nay HTX đang thực hiện chăn nuôi lợn bản địa và xử lý chất thải chăn nuôi thành phân chuồng hoai mục bón cho diện tích trồng cây cát sâm, cây trà hoa vàng. Quy trình này góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế tuần hoàn.

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.14. Tiêu chí số 14 - Y tế:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

14.1.Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ)* từ 95% trở lên;

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ*) đạt từ 90% trở lên;

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt từ 40% trở lên

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt từ 70% trở lên.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 96,82% (*3.816/3.941 người);*

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt 98% (*3.980/4.062 người).*

(Tạm thời chưa đánh giá chỉ tiêu 14.3 và 14.4 theo nội dung tại Văn bản số 438/KCB-QLCL&CĐT ngày 14/4/2023 của Cục quản lý khám chữa bệnh - Bộ Y tế)

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.15. Tiêu chí số 15 - Hành chính công:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính:

- Tỷ lệ thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt từ 50% trở lên;

- Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến đạt từ 12% trở lên;

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên;

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp;

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

*15.1*. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

- Tỷ lệ thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ trực tuyến ( *17/32/ = 53% )*

- Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến( *105/665 hồ sơ đạt 15,79%);*

15.2. Xã có dịch vụ công trực tuyếnmức độ 4.

15.3. UBND xã thực hiện giải quyết thủ tịch hành chính đảm bảo đúng quy định và không xảy ra khiếu nại vượt cấp;

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.16. Tiêu chí số 16 - Tiếp cận pháp luật:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

16.1. Có ít nhất 01 mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận;

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt từ 90% trở lên;

16.3.Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt từ 90% trở lên;

***b)Kết quả thực hiện tiêu chí***

16.1. Xã có 01 mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.

*16.2.* Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt 100% trở lên (*05/05 tổ)* ;

*16.3*. Trong năm UBND xã không nhận được đề nghị trợ giúp từ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý trên địa bàn xã;

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.17. Tiêu chí số 17 - Môi trường:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

17.1.Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường;

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%;

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt từ 80% trở lên;

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt từ 25% trở lên;

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt từ 50% trở lên;

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%;

17.7.Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt từ 80% trở lên;

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt từ 75% trở lên;

17.9.Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch

17.10.Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng từ 5% trở lên;

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt từ *4m2/người* trở lên;

17.12.Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt từ 50% trở lên;

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

17.1. Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm) tập trung;

17.2. Tỷ lệ hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh thú y đạt 100% *(809/809 hộ)*

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90% *(867/963 hộ);*

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả( *554.112 kg đạt 90%)*

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 90% (*867/963 hộ);*

17.6. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom đạt 100% (*645/ 645 tấn đạt 100%)*

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt 100% (0*3/03 cơ sở);*

17.9. Xã có quy hoạch nghĩa trang, tuy nhiên hiện nay người dân chủ yếu mai táng theo dòng họ và đảm bảo khoảng cách vệ sinh môi trường. Xã không có cơ sở hỏa táng.

17.10. Tại xã chưa sử dụng hình thức hỏa táng do không phù hợp với phong tục, tập quán địa phương.

17.11. Có đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: do địa hình đồi núi, nông thôn tỉ lệ cây xanh đảm bảo.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 50%;

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.18. Tiêu chí số 18 - Chất lượng môi trường sống:**

*a)Yêu cầu của tiêu chí*

18.1. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%.

18.2. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

18.3. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt từ 50% trở lên.

18.4.Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt từ 80% trở lên.

18.5.Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

18.1. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100% (*49/49 cơ sở).*

18.2. Trên địa bàn xã không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm.

18.3. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt từ 100% trở lên ( 36/36 *cơ sở)*

18.4. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 90% (*867/963 hộ).*

*18.5* Trên địa bàn xãkhông có bãi chôn lấp tập trung.

***c) Tự đánh giá:*** Đạt

**3.19.** **Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và an ninh:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân;

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (*giao thông, cháy, nổ*) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (*phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông*; *phòng cháy, chữa cháy)* gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả;

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

*19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của BCHQS xã và lực lượng dân quân*

19.1.1. Xây dựng Ban CHQS và dân quân cấp xã

\* Xây dựng Ban chỉ huy Quân sự

- Về số lượng cán bộ BCH quân sự

+ Ban CHQS đủ 04 chức danh gồm: Chỉ huy trưởng; Chính trị viên, Chính trị viên phó; Phó Chỉ huy trưởng.

+ Chỉ huy trưởng là thành viên UBND cấp xã; Chính trị viên, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm; Phó Chỉ huy trưởng là cán bộ không chuyên trách.

- Về Trình độ chuyên môn: Cán bộ Ban CHQS có trình độ từ trung cấp chuyên nghiệp trở lên, trong đó Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng được đào tạo Chỉ huy trưởng trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở trở lên. Hằng năm phải được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn;

- Về chất lượng: 04/04 = 100% cán bộ Ban CHQS là Đảng viên.

\* Xây dựng cán bộ Chỉ huy đơn vị Dân quân:

- Về số lượng cán bộ quản lý, chỉ huy dân quân tự vệ gồm: Trung đội trưởng; Tiểu đội trưởng Dân quân cơ động, Khẩu đội trưởng cối 60mm; Thôn đội trưởng (*kiêm nhiệm chức danh tổ trưởng dân quân tại chỗ*); Tổ trưởng tại chỗ (đối với những thôn chưa biên chế Thôn đội trưởng).

- Về chất lượng: Có 17/26 cán bộ Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng dân quân cơ động là Đảng viên, đạt 65,4%

*19.1.2. Xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp”:*

\* Tổ chức xây dựng lực lượng, biên chế, trang bị, huấn luyện

- Về số lượng: Đảm bảo theo đúng hướng dẫn kế hoạch của cấp trên;

- Về chất lượng: Hằng năm Ban CHQS cấp xã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương có kế hoạch kết nạp ít nhất 1% chiến sỹ Dân quân thuộc quyền vào Đảng. Năm 2023 kết nạp Đảng cho 01 chiến sỹ, đạt 100% chỉ tiêu kết nạp.

- Hằng năm, Ban CHQS tham mưu cho UBND cấp xã tổ chức lễ kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành nghĩa vụ DQTV. Năm 2023 kết nạp 29 đồng chí dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành nghĩa vụ DQTV cho 28 đồng chí.

- Về trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ: Đảm bảo theo quy định.

- Về huấn luyện: Đầy đủ nội dung, thời gian, chương trình theo quy định và kế hoạch của cấp trên. Năm 2023, kết quả huấn luận đạt loại khá.

\* Về hoạt động của Dân quân: Có quy chế, kế hoạch phối hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sổ giao ban phối hợp giữa các lực lượng (quân sự, công an, nông lâm, kiểm lâm địa bàn…) có ký nhận phiên giao ban của các lực lượng; kết quả phối hợp góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng chống cháy rừng có hiệu quả.

\* Kế hoạch hoạt động của Ban CHQS cấp xã trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên đảm bảo đầy đủ theo thông tư 43/2020TT–BQP ngày 23/4/2020 của Bộ Quốc phòng: Có đầy đủ các văn kiện sau: Kế hoạch chiến đấu phòng thủ; Kế hoạch chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu của Ban CHQS; Kế hoạch phòng không.

nhân dân (thuyết minh, sơ đồ); Kế hoạch mở rộng dân quân trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu; Kế hoạch bảo vệ mục tiêu được giao cho đơn vị Dân quân thuộc quyền; Kế hoạch công tác đảng, công tác chính trị trong từng nhiệm vụ; Kế hoạch huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao; Quy chế, kế hoạch phối hợp của Dân quân với các lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ; Kế hoạch liên quan công tác quốc phòng, quân sự ở cấp xã.

*19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.*

- Hàng năm, Đảng ủy xã có Nghị quyết, UBND xã có Kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.

- Không xảy ra các hoạt động: Hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; Hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng; Tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; Hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự và Hoạt động ly khai, đòi tự trị*.*

- Không có kiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật:

+ Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực Pháp luật.

+ Không để xảy ra các hoạt động như: kích động, xúi giục, cưỡng ép. Dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân đề đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ích của nhà nước, xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Số vụ phạm tội về trật tự xã hội, tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn năm 2022 xảy ra 21 vụ, 2023 xảy ra 19 vụ, giảm 09%*.*

- Xã Đồng thắng không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự.

- Tập thể Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.

- Công an xã không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

- Đến thời điểm hiện tại không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an.

- Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự quy định tại Thông tư số 124/2021/TT-BCA, ngày 28/12/2021 của Bộ Công an của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự; không thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự.

- Các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội: Có 05 mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoạt động thường xuyên, hiệu quả, cụ thể:

+ 01 Mô hình “hộ an toàn, thôn bản, tổ dân phố bình yên” tại 22/22 thôn.

+ 01 Mô hình “Chi hội nông dân đảm bảo ANTT và Trật tự an toàn giao thông” tại thôn Nà Tải.

+ 01 Mô hình “Thanh niên vì an ninh Tổ Quốc” -Liên Chi đoàn thôn Nà Cọ, Nà Vằn, Bản Cáu *(Theo Quyết định số 587/QĐ-UBND, ngày 23/08/2022 của UBND xã Đồng Thắng).*

+ Mô hình về PCCC: 01 mô hình “Điểm chữa cháy công cộng” tại thôn Làng Sen *(Tại Quyết định số 61/QĐ-UBND, ngày 22/05/2023 của UBND xã Đồng Thắng)*; 01 mô hình “Tổ liên gia an toàn phòng cháy và chữa cháy” tại thôn Làng Sen *(Theo Quyết định số 59/QĐ-UBND, ngày 22/05/2023 của UBND xã Đồng Thắng).*

- Xã đang thực hiện lắp đặt mô hình sử dụng Camera phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự vắn với phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.

***c. Tự đánh giá:*** Đạt

**4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới:** Xã Bằng Lãng không có nợ đọng xây dựng cơ bản.

**5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:**

- Giao các cơ quan, đơn vị cấp huyệncăn cứ nhiệm vụ được phân công tại Văn bản số 1812/UBND-NNPTNT ngày 23/8/2022 của UBND huyện Chợ Đồn tiếp tục tham mưu, chủ động kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới đã được giao phụ trách, hướng dẫn tiếp tục giúp đỡ xã củng cố chất lượng theo hướng đạt tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu.

- Giao UBND xã Đồng Thắng:

+ Tổ chức đánh giá thực trạng và xây dựng kế hoạch thực hiện bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2023-2025. Định kỳ tổ chức họp Ban quản lý để quán triệt nhiệm vụ, đánh giá những nội dung công việc đã hoàn thành và chưa hoàn thành, từ đó đề ra giải pháp để thực hiện duy trì giữ vững và tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng các chỉ tiêu, tiêu chí đã hoàn thành đạt chuẩn.

+ Duy trì thực hiện công tác tuyên truyền trên địa bàn xã để toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ, hiểu đúng về xây dựng nông thôn mới, tập trung vào các tiêu chí không cần nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách như văn hoá, môi trường, an ninh trật tự... để xây dựng nông thôn mới trở thành nếp sống, thói quen của người dân địa phương.

+ Tiếp tục quan tâm định hướng, tuyên truyền, vận động người dân tham gia các dự án, mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp để đa dạng hoá sinh kế, tăng thu nhập; chỉ đạo, hỗ trợ Hợp tác xã trên địa bàn xã đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, hoạt động ngày càng có hiệu quả.

**II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:**

Hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 của UBND xã Đồng Thắng đảm bảo đầy đủ theo quy định.

**2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:**

Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Đồng Thắng đã được UBND huyện Chợ Đồn thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới**

Xã Đồng Thắng không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới.

**III. KIẾN NGHỊ**

Đề nghị Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh xem xét, báo cáo UBND tỉnh Bắc Kạn tổ chức thẩm định, xét và công nhận xã Đồng Thắng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2023 đối với xã Đồng Thắng , huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:****Gửi bản điện tử:*- UBND tỉnh (b/cáo);- VPĐPNTM tỉnh (b/cáo);- TT Huyện uỷ, HĐND huyện (b/cáo);- LĐ UBND huyện;- Các thành viên BCĐ;- UBND xã Đồng Thắng;- Lưu VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Đặng Đình Phong** |

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2023
CỦA XÃ ĐỒNG THẮNG, HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tiêu chí** | **Nội dung tiêu chí** | **Chỉ tiêu** | **Kết quả thực hiện** | **Kết quả tự đánh giá của xã** | **Kết quả đánh giá của huyện** |
| **1** | Quy hoạch | 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch | Đạt | QĐ số 4115/QĐ - UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 | Đạt | Đạt |
| 1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên*(*  | Đạt | Đã có hợp đồng với tư vấn để thực hiện Quy hoạch chi tiết | Đạt | Đạt |
| 2 | Giao thông | 2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) theo quy định  | 100% đường xã được bảo trì;≥ 50% có các hạng mục cần thiết  | Đạt | Đạt | Đạt |
| 2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn (Được cứng hóa và bảo trì hàng năm)  | 100% | *19.784/19.784 km đạt 100%* | Đạt | Đạt |
| Có các hạng mục cần thiết theoquy định (biển báo, biển chỉ dẫn,chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp | ≥ 50% | Đạt | Đạt | Đạt |
| 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp  | ≥85% | *0.902/1.052 km đạt 85,74 %* | Đạt | Đạt |
| 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa | ≥20%  | 3*.047/3.047 km đạt 81,3%* | Đạt | Đạt |
| 3 | **Thủy lợi và phòng, chống thiên tai** | 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động | ≥90% | *16,41/17,86 km đạt 91,88%* | Đạt | Đạt |
| 3 | 3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững ( *HTX Đồng Tiến tại Hợp Đồng số: 05/HĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023)* | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước  | ≥10% |  *431,24/431,24 ha đạt 100%* | Đạt | Đạt |
| 3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm  | Đạt | *Kế hoạch số 08/KH -UBND ngày 02 /3/ 2023* | Đạt | Đạt |
| 3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi  | Đạt | Có kế hoạch và thực hiện | Đạt | Đạt |
| 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 4 | **Điện** | Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định | ≥98% | *963/963 hộ đạt 100%* | Đạt | Đạt |
| 5 | **Giáo dục** | 5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2  | 100% | Có 02/02 trường đạt chuẩn QGMĐ1Đang xây dựng trường Mầm non đạt chuẩn MĐ 2 | Đạt | Đạt |
| 5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi  | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS  | Mức độ 3 | Mức độ 3 | Đạt | Đạt |
| 5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ *( Tại QĐ số 1629/QĐ – SGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018)* | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Đạt | Đạt |
| 5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại  | Khá trở lên | Tốt | Đạt | Đạt |
| 5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền *)* | ≥1 | Có một MH tại trường TH&THCS | Đạt | Đạt |
| 6 | **Văn hóa** | 6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên |  Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định  | Đạt | Di tích nhà ông Triệu Văn Kiên | Đạt | Đạt |
| 6.3. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới  | 15% | 02/12 thôn được tặng giấy khen (duy trì đạt danh hiệu văn hoá 5 năm liên tục) | Đạt | Đạt |
| 7 | **Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn** | Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm  | Đạt | Có | Đạt | Đạt |
| 8 | **Thông tin và Truyền thông** | 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh  | ≥50% |  *2.411/4.062 người đạt 59%* | Đạt | Đạt |
| 8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| *- Số thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên*  | *≥90%* |  *22/22 thôn đạt 100%* | *Đạt* | *Đạt* |
| *- Số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet* | *100%* | *100%* | *Đạt* | *Đạt* |
|  *- Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm* | *Đạt* | Có | Đạt | Đạt |
| 8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới  | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| *-* Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã  | *≥50%* |  *17/32 đạt 53%* | Đạt | Đạt |
| - Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin  | *≥80%* | ( *21/21 người đạt 100%)* | Đạt | Đạt |
|  *-* Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản  | *≥50%* | ( 2*.320/3336 người đạt 69%)* | Đạt | Đạt |
| - Sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử  | *100%* | 100% | Đạt | Đạt |
|  | - Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ  | *100%* | Không đánh giá |  |  |
| 8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,…) | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 9 | Nhà ở dân cư | Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố  | ≥90% |  *961/963 nhà đạt 99,79%, không có nhà tạm, nhà dột nát* | Đạt | Đạt |
| 10 | Thu nhập | Thu nhập bình quân đầu người  | ≥51 | 54.088 triệu đồng/người | Đạt | Đạt |
| 11 | Nghèo đa chiều | Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025  | ≤10% | Hộ nghèo 55/963 hộ chiếm 5,71%, cận nghèo 32/963 hộ chiếm 3,32 | Đạt | Đạt |
| 12 | Lao động  | 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ | ≥75% |  *2.156/2.814 người đạt 76,61%* | Đạt | Đạt |
| 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | ≥25% | *770/2.814 người đạt 27,36%* | Đạt | Đạt |
| 12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn | UBND tỉnh ban hành chỉ tiêu cụ thể khi có đủ căn cứ | *1.941/2.814 người đạt 68,02 %* | Đạt | Đạt |
| 13  | Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | 13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định  | ≥1 | HTX Toàn Thắng | Đạt | Đạt |
| 13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn  | Đạt | SP Thịt lợn Phúc Thơm (*QĐ số 2616/QĐ – UBND ngày 29/ 12/2021)* | Đạt | Đạt |
| 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm  | ≥1 | MH trồng cam VietGap của HTX Toàn ThắngCó mô hình trồng rau củ quả trongnhà lưới của HTX Hoài Anh | Đạt | Đạt |
| 13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã | Đạt | Có truy suất sản phẩm thịt lợn rừng lai Phúc Thơm | Đạt | Đạt |
| 13.5.Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử | ≥10% | 50% | Đạt | Đạt |
|  |  | 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng trồng  | Đạt | *06ha cây cam của HTX Toàn Thắng (giấy xác nhận số 2949/GXN – SNN ngày 28/1 1/ 2023)* | Đạt | Đạt |
| 13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)  | ≥1 | MH của HTX Quỳnh Trang | Đạt | Đạt |
| 14 | Y tế | 14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  | ≥95% | *3.816/3.941 người đạt 96,82%* | Đạt | Đạt |
| 14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | ≥90% | *3.980/4.062 người đạt 98%* | Đạt | Đạt |
| 14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | ≥40% | Đang thực hiện | Đạt | Đạt |
| 14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử  | ≥70% | *2.249/4.062 người đạt 55%* | Đạt | Đạt |
| 15 | Hành chính công | 15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (Tỷ lệ thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ trực tuyến)  | ≥50% | *17/32 đạt 53%* | Đạt | Đạt |
| Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến  | ≥12% |  *105/665 hồ sơ đạt 15,79%* | Đạt | Đạt |
| 15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên  | Đạt | Đạt Mức độ 4 | Đạt | Đạt |
| 15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp  | Đạt | *Không có hồ sơ khiếu nại vượt cấp* | Đạt | Đạt |
| 16 | Tiếp cận pháp luật | 16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận  | ≥1 | Có 01 MH | Đạt | Đạt |
| 16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành  | ≥90% | *05/05 tổ đạt 100%* | Đạt | Đạt |
| 16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu | ≥90% | 90% | Đạt | Đạt |
| 17  | Môi trường | 17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường  | 100% | 100% | Đạt | Đạt |
| 17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định  | ≥80% | *867/963 đạt 90%* | Đạt | Đạt |
| 17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả | ≥25% |  *865/963 hộ đạt 89%* | Đạt | Đạt |
| 17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn | ≥50% |  *867/963 hộ đạt 90%* | Đạt | Đạt |
| 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường  | 100% | *645/645 tấn đạt 100%* | Đạt | Đạt |
| 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường  | ≥80% | *645/645 tấn đạt 100%* | Đạt | Đạt |
| 17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường *( 03/03 cơ sở đạt 100%)* | ≥75% | 100% | Đạt | Đạt |
| 17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch | Đạt | Không có | Đạt | Đạt |
| 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng | ≥5% | Không có | Đạt | Đạt |
|  |  | 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn  | ≥4m2/người | 4m2/người | Đạt | Đạt |
| 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định  | ≥50% | 90% | Đạt | Đạt |
| 18  | Chất lượng môi trường sống | 18.1. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm ( *49/49 cơ sở)* | 100% | 100% | Đạt | Đạt |
| 18.2. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã | Không | Không | Đạt | Đạt |
| 18.3 Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm  | ≥50% |  *17/17 cơ sở* | Đạt | Đạt |
| 18.4. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch  | ≥80% |  *867/963 đạt 90%* | Đạt | Đạt |
| 18.5. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường | 100% | 100% | Đạt | Đạt |
| 19 | Quốc phòng và An ninh | 19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân |  Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả | Đạt | Chưa đạt | Đạt | Đạt |